

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Lâm

Bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/8/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐXX- ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1990 - Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã Q, huyện P, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã B, huyện P, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1990 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm A, xã Q, huyện P, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang T có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân có tình cảm tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến vợ con, chị M đã nhiều lần cho anh T cơ hội để sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Gia đình hai bên đã khuyên bàn nhiều lần nhưng anh T không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, chị M đã về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2017 cho tới nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Nay, Chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Bùi Thị M xin được ly hôn anh Trần Quang T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16/8/2015. Hiện nay cháu H đang ở với chị M; Ly hôn với anh T, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Bùi Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quang T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Trần Quang T.

Về con chung: Giao con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16/8/2015 cho chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị M không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai và giấy triệu tập phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh Trần Quang T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M kết hôn với anh Trần Quang T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Yên vào ngày 01/4/2015; Hôn nhân đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Ngọc về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T đi làm không quan tâm đến vợ con, đã được gia đình hai bên nội ngoại khuyên bàn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở

nên trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; Do đó áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Trần Quang T.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang T có một con chung con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16/8/2015. Hiện nay cháu H đang ở với chị M.

Xét nguyện vọng của chị M về con là chính đáng; Chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu được ăn học và phát triển bình thường, bảo điều kiện cho con phát triển tốt. Qua xác minh ở UBND xã Quỳnh Ngọc, anh Trần Quang T không thường xuyên có mặt ở địa phương nên nếu giao con chung cho anh T nuôi sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc con. Vì vậy, cần giao con chung là Trần Quang H cho chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Quang T.

Anh Trần Quang T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu sau này anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quang H, sinh ngày 16/8/2015 cho chị Bùi Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Quang T do chị M không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu sau này anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001763 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- CCTHADS h. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP-TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm

Phạm Văn Tình

Nguyễn Anh Sơn

